|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI** | | | |
| **KHOA HỌC TỰ NHIÊN 9** | | | |
| *Dùng chung cho các bộ sách hiện hành* | | | |
| Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.  Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai. | | | |
| ***Lưu ý:*** Đánh dấu üvào ô ¨ với mỗi nhận định | | | |
| **PHẦN ĐỀ** | | | |
| **Câu** | **Nội dung** | **Đúng** | **Sai** |
| **1** | **Bộ nhiễm sắc thể ở người.** | | |
|  | a. Trong đó có 22 cặp nhiễm sắc thể giới tính và 1 cặp nhiễm sắc thể thường. | ¨ | ¨ |
|  | b. Bộ nhiễm sắc thể ở người gồm 46 nhiễm sắc thể, tạo thành 23 cặp. | ¨ | ¨ |
|  | c. Nam giới có cặp nhiễm sắc thể giới tính là XY. | ¨ | ¨ |
|  | d. Nữ giới có cặp nhiễm sắc thể giới tính là XX. | ¨ | ¨ |
| **2** | **Sự khác biệt giữa nhiễm sắc thể thường và nhiễm sắc thể giới tính.** | | |
|  | a. Nhiễm sắc thể thường giống nhau giữa nam và nữ. | ¨ | ¨ |
|  | b. Nhiễm sắc thể giới tính quyết định giới tính của cơ thể. | ¨ | ¨ |
|  | c. Nhiễm sắc thể thường quyết định giới tính của cơ thể. | ¨ | ¨ |
|  | d. Nhiễm sắc thể giới tính chỉ có ở nam giới. | ¨ | ¨ |
| **3** | **Cơ chế xác định giới tính ở người.** | | |
|  | a. Giới tính của con cái hoàn toàn phụ thuộc vào nhiễm sắc thể của mẹ. | ¨ | ¨ |
|  | b. Tinh trùng mang nhiễm sắc thể X hoặc Y quyết định giới tính của con cái. | ¨ | ¨ |
|  | c. Trứng mang nhiễm sắc thể X hoặc Y quyết định giới tính của con cái. | ¨ | ¨ |
|  | d. Giới tính của con người phụ thuộc vào sự kết hợp của cặp nhiễm sắc thể giới tính. | ¨ | ¨ |
| **4** | **Yếu tố di truyền trong cơ chế xác định giới tính.** | | |
|  | a. Giới tính của con người được xác định bởi cặp nhiễm sắc thể giới tính từ bố mẹ. | ¨ | ¨ |
|  | b. Ở một số loài, giới tính có thể được xác định bởi nhiệt độ môi trường. | ¨ | ¨ |
|  | c. Hormone sinh dục không ảnh hưởng đến sự phân hóa giới tính. | ¨ | ¨ |
|  | d. Nhiệt độ môi trường chỉ ảnh hưởng đến giới tính của bò sát. | ¨ | ¨ |
| **5** | **Cơ chế xác định giới tính ở các loài động vật khác.** | | |
|  | a. Ở ruồi giấm, giới tính được xác định bởi cặp nhiễm sắc thể giới tính XY ở đực và XX ở cái. | ¨ | ¨ |
|  | b. Ở chim, cặp nhiễm sắc thể giới tính của con đực là ZZ và con cái là ZW. | ¨ | ¨ |
|  | c. Ở cá, giới tính không bị ảnh hưởng bởi nhiễm sắc thể giới tính. | ¨ | ¨ |
|  | d. Ở ong, giới tính được xác định bởi số lượng nhiễm sắc thể. | ¨ | ¨ |
| **6** | **Tác động của môi trường đến giới tính.** | | |
|  | a. Nhiệt độ ấp trứng ảnh hưởng đến giới tính của một số loài bò sát. | ¨ | ¨ |
|  | b. Hormone sinh dục không thể thay đổi giới tính của cá. | ¨ | ¨ |
|  | c. Sự phân hóa giới tính không bị ảnh hưởng bởi điều kiện môi trường. | ¨ | ¨ |
|  | d. Tỷ lệ đực cái ở một số loài có thể thay đổi do tác động của ánh sáng. | ¨ | ¨ |
| **7** | **Ứng dụng của hiểu biết về cơ chế xác định giới tính.** | | |
|  | a. Hiểu biết về cơ chế xác định giới tính không có ứng dụng thực tiễn trong y học. | ¨ | ¨ |
|  | b. Điều chỉnh hormone sinh dục có thể giúp thay đổi giới tính của động vật. | ¨ | ¨ |
|  | c. Nhiệt độ ấp trứng không thể điều chỉnh để tạo ra giới tính mong muốn. | ¨ | ¨ |
|  | d. Hiểu biết về cơ chế xác định giới tính giúp con người điều chỉnh tỷ lệ giới tính trong chăn nuôi. | ¨ | ¨ |
| **8** | **Nhiễm sắc thể giới tính và các bệnh liên quan.** | | |
|  | a. Rối loạn về nhiễm sắc thể giới tính có thể dẫn đến các bệnh di truyền. | ¨ | ¨ |
|  | b. Rối loạn nhiễm sắc thể giới tính không ảnh hưởng đến sức khỏe sinh sản. | ¨ | ¨ |
|  | c. Một số bệnh di truyền chỉ xuất hiện ở nam giới do liên quan đến nhiễm sắc thể Y. | ¨ | ¨ |
|  | d. Rối loạn nhiễm sắc thể giới tính có thể được chẩn đoán qua xét nghiệm di truyền. | ¨ | ¨ |
| **9** | **Sự phân ly của nhiễm sắc thể giới tính trong quá trình giảm phân.** | | |
|  | a. Nhiễm sắc thể giới tính phân ly ngẫu nhiên trong quá trình giảm phân. | ¨ | ¨ |
|  | b. Sự phân ly của nhiễm sắc thể giới tính không ảnh hưởng đến giới tính của con cái. | ¨ | ¨ |
|  | c. Nhiễm sắc thể giới tính luôn phân ly đồng đều trong quá trình giảm phân. | ¨ | ¨ |
|  | d. Sự phân ly của nhiễm sắc thể giới tính có thể gây ra các bệnh di truyền. | ¨ | ¨ |
| **10** | **Cơ chế xác định giới tính và sự đa dạng di truyền.** | | |
|  | a. Nhiễm sắc thể giới tính không ảnh hưởng đến sự đa dạng di truyền. | ¨ | ¨ |
|  | b. Sự kết hợp ngẫu nhiên của nhiễm sắc thể giới tính trong thụ tinh tạo ra sự đa dạng di truyền. | ¨ | ¨ |
|  | c. Các yếu tố môi trường không ảnh hưởng đến sự đa dạng di truyền liên quan đến giới tính. | ¨ | ¨ |
|  | d. Sự thay đổi giới tính do hormone không tạo ra sự đa dạng di truyền. | ¨ | ¨ |
| **11** | **Các loại nhiễm sắc thể trong tế bào.** | | |
|  | a. Nhiễm sắc thể giới tính quyết định các đặc điểm về ngoại hình của con người. | ¨ | ¨ |
|  | b. Nhiễm sắc thể thường chiếm phần lớn trong bộ nhiễm sắc thể của người. | ¨ | ¨ |
|  | c. Bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội ở người có 23 cặp, trong đó có 2 cặp nhiễm sắc thể giới tính. | ¨ | ¨ |
|  | d. Nhiễm sắc thể thường không ảnh hưởng đến tính trạng di truyền. | ¨ | ¨ |
| **12** | **Vai trò của nhiễm sắc thể giới tính.** | | |
|  | a. Nhiễm sắc thể giới tính xác định giới tính của cơ thể. | ¨ | ¨ |
|  | b. Nhiễm sắc thể giới tính chỉ có ở các tế bào sinh dục. | ¨ | ¨ |
|  | c. Nhiễm sắc thể giới tính ảnh hưởng đến một số tính trạng liên quan đến sinh sản. | ¨ | ¨ |
|  | d. Nhiễm sắc thể giới tính không có vai trò trong quá trình phát triển của cơ thể. | ¨ | ¨ |
| **13** | **Cơ chế phân ly của nhiễm sắc thể giới tính.** | | |
|  | a. Trong quá trình giảm phân, nhiễm sắc thể giới tính phân ly đồng đều về hai cực của tế bào. | ¨ | ¨ |
|  | b. Sự phân ly của nhiễm sắc thể giới tính diễn ra ngẫu nhiên trong giảm phân. | ¨ | ¨ |
|  | c. Phân ly của nhiễm sắc thể giới tính có thể dẫn đến các bất thường di truyền. | ¨ | ¨ |
|  | d. Sự phân ly của nhiễm sắc thể giới tính không ảnh hưởng đến tỷ lệ giới tính trong quần thể. | ¨ | ¨ |
| **14** | **Tác động của hormone sinh dục đến giới tính.** | | |
|  | a. Sự tác động của hormone sinh dục không có khả năng đảo ngược. | ¨ | ¨ |
|  | b. Dùng hormone sinh dục có thể thay đổi giới tính của động vật. | ¨ | ¨ |
|  | c. Hormone sinh dục chỉ ảnh hưởng đến giới tính ở giai đoạn phát triển ban đầu. | ¨ | ¨ |
|  | d. Hormone sinh dục có thể ảnh hưởng đến sự phát triển giới tính ở một số loài cá. | ¨ | ¨ |
| **15** | **Cơ chế xác định giới tính ở người và động vật.** | | |
|  | a. Ở người, giới tính của con cái được xác định bởi cặp nhiễm sắc thể XX. | ¨ | ¨ |
|  | b. Ở động vật, cơ chế xác định giới tính hoàn toàn khác so với người. | ¨ | ¨ |
|  | c. Ở một số loài cá, giới tính có thể thay đổi trong suốt cuộc đời. | ¨ | ¨ |
|  | d. Ở một số loài chim, giới tính được xác định bởi cặp nhiễm sắc thể ZW ở con đực. | ¨ | ¨ |
| **16** | **Ảnh hưởng của môi trường đến sự phân hóa giới tính.** | | |
|  | a. Nhiệt độ ấp trứng có thể quyết định giới tính ở một số loài rùa. | ¨ | ¨ |
|  | b. Ánh sáng mạnh có thể làm giảm tỷ lệ nở của trứng cá đực. | ¨ | ¨ |
|  | c. Môi trường sống không ảnh hưởng đến sự phân hóa giới tính ở động vật có vú. | ¨ | ¨ |
|  | d. Sự phân hóa giới tính hoàn toàn phụ thuộc vào yếu tố di truyền, không chịu ảnh hưởng của môi trường. | ¨ | ¨ |
| **17** | **Công nghệ sinh học và ứng dụng xác định giới tính.** | | |
|  | a. Kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm có thể được sử dụng để xác định giới tính trước khi sinh. | ¨ | ¨ |
|  | b. Điều chỉnh nhiệt độ ấp trứng có thể kiểm soát giới tính của một số loài bò sát. | ¨ | ¨ |
|  | c. Công nghệ gen có thể thay đổi giới tính của động vật sau khi sinh. | ¨ | ¨ |
|  | d. Ứng dụng của công nghệ sinh học trong xác định giới tính không có trong chăn nuôi. | ¨ | ¨ |
| **18** | **Rối loạn nhiễm sắc thể giới tính.** | | |
|  | a. Rối loạn nhiễm sắc thể giới tính có thể gây ra bệnh Down. | ¨ | ¨ |
|  | b. Hội chứng Turner là một rối loạn liên quan đến nhiễm sắc thể giới tính. | ¨ | ¨ |
|  | c. Rối loạn nhiễm sắc thể giới tính không ảnh hưởng đến khả năng sinh sản. | ¨ | ¨ |
|  | d. Rối loạn nhiễm sắc thể giới tính có thể phát hiện qua xét nghiệm karyotype. | ¨ | ¨ |
| **19** | **Sự khác biệt giữa giới tính ở các loài.** | | |
|  | a. Ở người, giới tính được xác định từ khi thụ tinh. | ¨ | ¨ |
|  | b. Ở một số loài cá, giới tính có thể thay đổi do ảnh hưởng của môi trường. | ¨ | ¨ |
|  | c. Ở một số loài chim, con cái có thể thay đổi giới tính sau khi sinh. | ¨ | ¨ |
|  | d. Ở ong, giới tính được xác định bởi số lượng nhiễm sắc thể trong tế bào. | ¨ | ¨ |
| **20** | **Tác động của ánh sáng đến sự phân hóa giới tính.** | | |
|  | a. Ánh sáng không ảnh hưởng đến sự phân hóa giới tính ở động vật. | ¨ | ¨ |
|  | b. Ánh sáng mạnh luôn làm tăng tỷ lệ nở của trứng đực. | ¨ | ¨ |
|  | c. Ánh sáng yếu có thể làm giảm tỷ lệ nở của trứng cái ở một số loài. | ¨ | ¨ |
|  | d. Ánh sáng có thể ảnh hưởng đến tỷ lệ đực cái ở một số loài cá. | ¨ | ¨ |
| **PHẦN ĐÁP ÁN** | | | |
| **Câu** | **Nội dung** | **Đúng** | **Sai** |
| **1** | **Bộ nhiễm sắc thể ở người.** | | |
|  | a. Trong đó có 22 cặp nhiễm sắc thể giới tính và 1 cặp nhiễm sắc thể thường. | ¨ | þ |
|  | b. Bộ nhiễm sắc thể ở người gồm 46 nhiễm sắc thể, tạo thành 23 cặp. | þ | ¨ |
|  | c. Nam giới có cặp nhiễm sắc thể giới tính là XY. | þ | ¨ |
|  | d. Nữ giới có cặp nhiễm sắc thể giới tính là XX. | þ | ¨ |
| **2** | **Sự khác biệt giữa nhiễm sắc thể thường và nhiễm sắc thể giới tính.** | | |
|  | a. Nhiễm sắc thể thường giống nhau giữa nam và nữ. | þ | ¨ |
|  | b. Nhiễm sắc thể giới tính quyết định giới tính của cơ thể. | þ | ¨ |
|  | c. Nhiễm sắc thể thường quyết định giới tính của cơ thể. | ¨ | þ |
|  | d. Nhiễm sắc thể giới tính chỉ có ở nam giới. | ¨ | þ |
| **3** | **Cơ chế xác định giới tính ở người.** | | |
|  | a. Giới tính của con cái hoàn toàn phụ thuộc vào nhiễm sắc thể của mẹ. | ¨ | þ |
|  | b. Tinh trùng mang nhiễm sắc thể X hoặc Y quyết định giới tính của con cái. | þ | ¨ |
|  | c. Trứng mang nhiễm sắc thể X hoặc Y quyết định giới tính của con cái. | ¨ | þ |
|  | d. Giới tính của con người phụ thuộc vào sự kết hợp của cặp nhiễm sắc thể giới tính. | þ | ¨ |
| **4** | **Yếu tố di truyền trong cơ chế xác định giới tính.** | | |
|  | a. Giới tính của con người được xác định bởi cặp nhiễm sắc thể giới tính từ bố mẹ. | þ | ¨ |
|  | b. Ở một số loài, giới tính có thể được xác định bởi nhiệt độ môi trường. | þ | ¨ |
|  | c. Hormone sinh dục không ảnh hưởng đến sự phân hóa giới tính. | ¨ | þ |
|  | d. Nhiệt độ môi trường chỉ ảnh hưởng đến giới tính của bò sát. | ¨ | þ |
| **5** | **Cơ chế xác định giới tính ở các loài động vật khác.** | | |
|  | a. Ở ruồi giấm, giới tính được xác định bởi cặp nhiễm sắc thể giới tính XY ở đực và XX ở cái. | þ | ¨ |
|  | b. Ở chim, cặp nhiễm sắc thể giới tính của con đực là ZZ và con cái là ZW. | þ | ¨ |
|  | c. Ở cá, giới tính không bị ảnh hưởng bởi nhiễm sắc thể giới tính. | ¨ | þ |
|  | d. Ở ong, giới tính được xác định bởi số lượng nhiễm sắc thể. | þ | ¨ |
| **6** | **Tác động của môi trường đến giới tính.** | | |
|  | a. Nhiệt độ ấp trứng ảnh hưởng đến giới tính của một số loài bò sát. | þ | ¨ |
|  | b. Hormone sinh dục không thể thay đổi giới tính của cá. | ¨ | þ |
|  | c. Sự phân hóa giới tính không bị ảnh hưởng bởi điều kiện môi trường. | ¨ | þ |
|  | d. Tỷ lệ đực cái ở một số loài có thể thay đổi do tác động của ánh sáng. | þ | ¨ |
| **7** | **Ứng dụng của hiểu biết về cơ chế xác định giới tính.** | | |
|  | a. Hiểu biết về cơ chế xác định giới tính không có ứng dụng thực tiễn trong y học. | ¨ | þ |
|  | b. Điều chỉnh hormone sinh dục có thể giúp thay đổi giới tính của động vật. | þ | ¨ |
|  | c. Nhiệt độ ấp trứng không thể điều chỉnh để tạo ra giới tính mong muốn. | ¨ | þ |
|  | d. Hiểu biết về cơ chế xác định giới tính giúp con người điều chỉnh tỷ lệ giới tính trong chăn nuôi. | þ | ¨ |
| **8** | **Nhiễm sắc thể giới tính và các bệnh liên quan.** | | |
|  | a. Rối loạn về nhiễm sắc thể giới tính có thể dẫn đến các bệnh di truyền. | þ | ¨ |
|  | b. Rối loạn nhiễm sắc thể giới tính không ảnh hưởng đến sức khỏe sinh sản. | ¨ | þ |
|  | c. Một số bệnh di truyền chỉ xuất hiện ở nam giới do liên quan đến nhiễm sắc thể Y. | þ | ¨ |
|  | d. Rối loạn nhiễm sắc thể giới tính có thể được chẩn đoán qua xét nghiệm di truyền. | þ | ¨ |
| **9** | **Sự phân ly của nhiễm sắc thể giới tính trong quá trình giảm phân.** | | |
|  | a. Nhiễm sắc thể giới tính phân ly ngẫu nhiên trong quá trình giảm phân. | þ | ¨ |
|  | b. Sự phân ly của nhiễm sắc thể giới tính không ảnh hưởng đến giới tính của con cái. | ¨ | þ |
|  | c. Nhiễm sắc thể giới tính luôn phân ly đồng đều trong quá trình giảm phân. | ¨ | þ |
|  | d. Sự phân ly của nhiễm sắc thể giới tính có thể gây ra các bệnh di truyền. | þ | ¨ |
| **10** | **Cơ chế xác định giới tính và sự đa dạng di truyền.** | | |
|  | a. Nhiễm sắc thể giới tính không ảnh hưởng đến sự đa dạng di truyền. | ¨ | þ |
|  | b. Sự kết hợp ngẫu nhiên của nhiễm sắc thể giới tính trong thụ tinh tạo ra sự đa dạng di truyền. | þ | ¨ |
|  | c. Các yếu tố môi trường không ảnh hưởng đến sự đa dạng di truyền liên quan đến giới tính. | ¨ | þ |
|  | d. Sự thay đổi giới tính do hormone không tạo ra sự đa dạng di truyền. | þ | ¨ |
| **11** | **Các loại nhiễm sắc thể trong tế bào.** | | |
|  | a. Nhiễm sắc thể giới tính quyết định các đặc điểm về ngoại hình của con người. | ¨ | þ |
|  | b. Nhiễm sắc thể thường chiếm phần lớn trong bộ nhiễm sắc thể của người. | þ | ¨ |
|  | c. Bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội ở người có 23 cặp, trong đó có 2 cặp nhiễm sắc thể giới tính. | ¨ | þ |
|  | d. Nhiễm sắc thể thường không ảnh hưởng đến tính trạng di truyền. | ¨ | þ |
| **12** | **Vai trò của nhiễm sắc thể giới tính.** | | |
|  | a. Nhiễm sắc thể giới tính xác định giới tính của cơ thể. | þ | ¨ |
|  | b. Nhiễm sắc thể giới tính chỉ có ở các tế bào sinh dục. | ¨ | þ |
|  | c. Nhiễm sắc thể giới tính ảnh hưởng đến một số tính trạng liên quan đến sinh sản. | þ | ¨ |
|  | d. Nhiễm sắc thể giới tính không có vai trò trong quá trình phát triển của cơ thể. | ¨ | þ |
| **13** | **Cơ chế phân ly của nhiễm sắc thể giới tính.** | | |
|  | a. Trong quá trình giảm phân, nhiễm sắc thể giới tính phân ly đồng đều về hai cực của tế bào. | þ | ¨ |
|  | b. Sự phân ly của nhiễm sắc thể giới tính diễn ra ngẫu nhiên trong giảm phân. | þ | ¨ |
|  | c. Phân ly của nhiễm sắc thể giới tính có thể dẫn đến các bất thường di truyền. | þ | ¨ |
|  | d. Sự phân ly của nhiễm sắc thể giới tính không ảnh hưởng đến tỷ lệ giới tính trong quần thể. | ¨ | þ |
| **14** | **Tác động của hormone sinh dục đến giới tính.** | | |
|  | a. Sự tác động của hormone sinh dục không có khả năng đảo ngược. | ¨ | þ |
|  | b. Dùng hormone sinh dục có thể thay đổi giới tính của động vật. | þ | ¨ |
|  | c. Hormone sinh dục chỉ ảnh hưởng đến giới tính ở giai đoạn phát triển ban đầu. | ¨ | þ |
|  | d. Hormone sinh dục có thể ảnh hưởng đến sự phát triển giới tính ở một số loài cá. | þ | ¨ |
| **15** | **Cơ chế xác định giới tính ở người và động vật.** | | |
|  | a. Ở người, giới tính của con cái được xác định bởi cặp nhiễm sắc thể XX. | þ | ¨ |
|  | b. Ở động vật, cơ chế xác định giới tính hoàn toàn khác so với người. | ¨ | þ |
|  | c. Ở một số loài cá, giới tính có thể thay đổi trong suốt cuộc đời. | þ | ¨ |
|  | d. Ở một số loài chim, giới tính được xác định bởi cặp nhiễm sắc thể ZW ở con đực. | ¨ | þ |
| **16** | **Ảnh hưởng của môi trường đến sự phân hóa giới tính.** | | |
|  | a. Nhiệt độ ấp trứng có thể quyết định giới tính ở một số loài rùa. | þ | ¨ |
|  | b. Ánh sáng mạnh có thể làm giảm tỷ lệ nở của trứng cá đực. | þ | ¨ |
|  | c. Môi trường sống không ảnh hưởng đến sự phân hóa giới tính ở động vật có vú. | ¨ | þ |
|  | d. Sự phân hóa giới tính hoàn toàn phụ thuộc vào yếu tố di truyền, không chịu ảnh hưởng của môi trường. | ¨ | þ |
| **17** | **Công nghệ sinh học và ứng dụng xác định giới tính.** | | |
|  | a. Kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm có thể được sử dụng để xác định giới tính trước khi sinh. | þ | ¨ |
|  | b. Điều chỉnh nhiệt độ ấp trứng có thể kiểm soát giới tính của một số loài bò sát. | þ | ¨ |
|  | c. Công nghệ gen có thể thay đổi giới tính của động vật sau khi sinh. | ¨ | þ |
|  | d. Ứng dụng của công nghệ sinh học trong xác định giới tính không có trong chăn nuôi. | ¨ | þ |
| **18** | **Rối loạn nhiễm sắc thể giới tính.** | | |
|  | a. Rối loạn nhiễm sắc thể giới tính có thể gây ra bệnh Down. | ¨ | þ |
|  | b. Hội chứng Turner là một rối loạn liên quan đến nhiễm sắc thể giới tính. | þ | ¨ |
|  | c. Rối loạn nhiễm sắc thể giới tính không ảnh hưởng đến khả năng sinh sản. | ¨ | þ |
|  | d. Rối loạn nhiễm sắc thể giới tính có thể phát hiện qua xét nghiệm karyotype. | þ | ¨ |
| **19** | **Sự khác biệt giữa giới tính ở các loài.** | | |
|  | a. Ở người, giới tính được xác định từ khi thụ tinh. | þ | ¨ |
|  | b. Ở một số loài cá, giới tính có thể thay đổi do ảnh hưởng của môi trường. | þ | ¨ |
|  | c. Ở một số loài chim, con cái có thể thay đổi giới tính sau khi sinh. | ¨ | þ |
|  | d. Ở ong, giới tính được xác định bởi số lượng nhiễm sắc thể trong tế bào. | þ | ¨ |
| **20** | **Tác động của ánh sáng đến sự phân hóa giới tính.** | | |
|  | a. Ánh sáng không ảnh hưởng đến sự phân hóa giới tính ở động vật. | ¨ | þ |
|  | b. Ánh sáng mạnh luôn làm tăng tỷ lệ nở của trứng đực. | ¨ | þ |
|  | c. Ánh sáng yếu có thể làm giảm tỷ lệ nở của trứng cái ở một số loài. | þ | ¨ |
|  | d. Ánh sáng có thể ảnh hưởng đến tỷ lệ đực cái ở một số loài cá. | þ | ¨ |